TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/HNGĐ -ST Ngày 19 tháng 3 năm 2018 "V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long;

2. Bà Trương Việt Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét x ử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973
   Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (cómặt).
2. *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1971
   Địa chỉ: Đội 2, thôn Y, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Từ tháng 2/1998, chị và anh Đỗ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị về ở cùng nhà với anh Viết và gia đình anh tại thôn Y, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Ban đầu vợ chồng sống hoà thuận với nhau sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, giữa chị và gia đình anh V có những mâu thuẫn bất hoà nhưng anh V không hiểu và thông cảm cho chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm trở nên lạnh nhạt. Từ ngày 30 Tết nguyên đán năm 2001, vợ chồng mâu thuẫn, chị không chịu được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay cũng không liên

lạc, dàn xếp gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Viết.

Về con chung: Chị H thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Văn P, sinh ngày 11/12/2000, hiện nay, cháu P đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi cháu P và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Đỗ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018 và các biên bản hoà giải anh khai: Về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị H trình bày là đúng. Anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn đến năm 2001 thì sống ly thân. Nay chị H kiên quyết xin ly hôn, anh thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Văn P, sinh ngày 11/12/2000. Hiện nay, cháu P đang ở cùng chị H. Ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi chị H và anh V chung sống với nhau như vợ chồng. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận: chị H và anh V không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã nhưng anh chị có chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống đúng như chị H và anh V trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không biết rõ, chỉ được biết chị H và gia đình anh V có những bất hoà nên dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn với nhau. Từ đầu năm 2002, chị H về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh V, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Địa phương xác nhận vợ chồng chị H, anh V có một con chung là Đỗ Văn P, sinh ngày 11/12/2000, hiện nay, cháu P đang ở cùng chị H. Quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Quan điểm của địa phương, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm

nhân dân, thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn V là vợ chồng; Về con chung giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Văn P. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn anh Đỗ Văn V. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 02/1998, chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, giữa chị và gia đình anh V có những mâu thuẫn bất hoà nhưng anh V không hiểu và thông cảm cho chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm trở nên lạnh nhạt. Từ ngày 30 Tết nguyên đán năm 2001, vợ chồng mâu thuẫn, chị không chịu được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay cũng không liên lạc, dàn xếp gì với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị H và anh V chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ tháng 2/1998. Cho đến thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2001), mặc dù chị H và anh V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật nhưng anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn mà tiếp tục chung sống đến năm 2002 thì ly thân. Do vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TAND TC- VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35 của Quốc hội không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị H và anh V có một con chung là Đỗ Văn P, sinh ngày 11/12/2000, hiện nay, cháu P đang ở cùng chị H. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại buổi hòa giải đã có ý kiến đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và cháu P, xét thấy, cần giao con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Đỗ Văn P. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H, anh V đều không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TAND TC- VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35 của Quốc hội; Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Văn P, sinh ngày 11/12/2000. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004104 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Đoan Trang